TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 566/2022/DS-ST
Ngày: 27-7-2022.
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Ngọc Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Mỹ

2. Bà Trần Thị Xuân Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Ánh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 281/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2021 về "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2022/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T

Trụ sở: 54A N, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Địa chỉ: Tầng 23, tòa nhà TP, 180-192 N, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn H - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông P (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tầng 23, tòa nhà TP, 180-192 N, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số: 7946/2021/UQ-TGĐ12 ngày 15/11/2021)

2. Bị đơn: Ông C, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: 469/32 N, Phường A, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/12/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng T (người đại diện ủy quyền của nguyên đơn là ông P) trình bày:

Ngân hàng T), phòng giao dịch K và ông C đã ký kết Hợp đồng cho vay số: 0512/2016/HĐCV ngày 23/12/2016, số tiền vay 140.000.000 đồng, mục đích vay vốn là mua sắm đồ gia dụng và sửa chữa nhà ở, lãi suất cho vay 19% tính trên dư nợ thực tế và điều chỉnh theo thông báo của MSB, thời hạn vay 50 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, phương thức trả nợ hàng tháng.

Ngày 23/12/2016, M đã giải ngân cho ông C theo Khế ước nhận nợ số: 0512/2016/CVCN với số tiền 140.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông C mới trả cho M số tiền nợ gốc là 34.400.548 đồng, trả nợ lãi 31.082.288 đồng, trả lãi phạt quá hạn 87.974 đồng. Sau đó hàng tháng, ông C không tiếp tục trả nợ cho M theo hợp đồng cho vay đã ký. Ông C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi không đúng cam kết, thỏa thuận tại hợp đồng cho vay, giấy nhận nợ đã ký kết.

Tạm tính đến ngày 27/7/2022, ông C còn nợ M tổng số tiền là 218.748.217 đồng, trong đó: Nợ gốc là 105.599.452 đồng, nợ lãi trong hạn là 87.684.652 đồng và lãi quá hạn là 25.464.113 đồng.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của M, M đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu:

1. Yêu cầu ông C thanh toán cho M tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 27/7/2022 là 218.748.217 đồng, trong đó: Nợ gốc là 105.599.452 đồng, nợ lãi trong hạn là 87.684.652 đồng và lãi quá hạn là 25.464.113 đồng.

2. Kể từ ngày 28/7/2022, ông Cco nghĩa vụ thanh toán tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán nợ.

Bị đơn ông C, quá trình xét xử và tại phiên tòa hôm nay đã được Tòa án tống đạt triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng T, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông C thanh toán tiền nợ theo Hợp đồng cho vay số: 0512/2016/HĐCV ngày 23/12/2016. Xét đây là tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng cấp tín dụng giữa nguyên đơn với khách hàng cá nhân, là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Căn cứ Hợp đồng cho vay số: 0512/2016/HĐCV ngày 23/12/2016, ông C cung cấp địa chỉ tại 469/32 N, Phường A, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số: 281/2022/QĐ-CCTLCC ngày 04/01/2022 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, kết quả cung cấp chứng cứ của Công an Phường A, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông C có hộ khẩu thường trú tại 469/32 N, Phường A, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện thực tế cư trú tại địa phương.

Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng T và ông C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Ngày 27/7/2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn.

[1.4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý; giấy triệu tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa; giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn ông C nhưng ông C không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có ý kiến phản bác với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ và vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

[2] Nội dung:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 105.599.452 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Hợp đồng cho vay số: 0512/2016/HĐCV ngày 23/12/2016 và Khế ước nhận nợ số: 0512/2016/CVCN ngày 23/12/2016 giữa Ngân hàng T và ông Công thể hiện, ông C đã vay của M số tiền 140.000.000 đồng, ngày nhận nợ 23/12/2016, thời hạn vay 50 tháng từ ngày 23/12/2016 đến ngày 23/02/2021, mục đích vay sửa chữa nhà ở. Nội dung Hợp đồng cho vay số: 0512/2016/HĐCV ngày 23/12/2016 phù hợp quy định tại điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, nên có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ sao kê giao dịch thu nợ ngày 27/7/2022, bản tổng hợp giao dịch thu nợ từ ngày 23/12/2016 và tổng tiền còn phải trả đến ngày 27/7/2022 do M cung cấp, thể hiện: Quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 11/01/2017 đến ngày 29/6/2018, ông C đã trả cho M số tiền gốc là 34.400.548 đồng, trả nợ lãi là 31.082.288 đồng, trả lãi phạt quá hạn là 87.974 đồng.

Sau đó, hàng tháng ông C không tiếp tục thanh toán nợ cho M, là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số: 0512/2016/HĐCV ngày 23/12/2016. Như vậy, tạm tính đến ngày 27/7/2022, số tiền gốc ông C còn nợ M là 140.000.000 đồng - 34.400.548 đồng = 105.599.452 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, Hợp đồng cho vay số: 0512/2016/HĐCV ngày 23/12/2016 và Khế ước nhận nợ số: 0512/2016/CVCN ngày 23/12/2016, yêu cầu của MSB yêu cầu ông C thanh toán nợ gốc là 105.599.452 đồng, là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi trong hạn là 87.684.652 đồng, lãi quá hạn là 25.464.113 đồng tạm tính đến ngày 27/7/2022 và tiền lãi phát sinh từ ngày 28/7/2022 cho đến khi trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký; Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Khế ước nhận nợ số: 0512/2016/CVCN ngày 23/12/2016, lịch trả nợ gốc và lãi là trả gốc và lãi trả đều hàng tháng một số tiền cố định, ngày trả nợ đầu tiên vào ngày 10/01/2017, trả nợ tiếp theo 01 tháng/lần vào ngày 10 hàng tháng/quý/năm, số tiền phải trả mỗi kỳ 4.074.064 đồng.

Căn cứ sao kê giao dịch thu nợ ngày 27/7/2022, bản tổng hợp giao dịch thu nợ từ ngày 23/12/2016 và tổng tiền còn phải trả đến ngày 27/7/2022 do MSB cung cấp, thể hiện:

- Lãi trong hạn: Tính từ ngày 23/12/2016 đến ngày 27/7/2022, lãi suất 19%/năm là 118.766.940 đồng – 31.082.288 đồng (tiền lãi trong hạn ông Công đã trả) = 87.684.652 đồng;

- Lãi quá hạn: Tính từ ngày 10/01/2017 đến ngày 27/7/2022, lãi suất quá hạn là 9.5% (150% lãi suất trong hạn) = 25.552.087 đồng – 87.974 đồng (tiền lãi trong hạn ông Công đã trả) = 25.464.113 đồng.

Theo Quyết định số: 1183/2016/QĐ-TGĐ1 ngày 12/5/2016 v/v ban hành biểu lãi suất tại ngân hàng bán lẻ và Phụ lục số 01 - Biểu lãi suất tối thiểu cho vay khách hàng cá nhân, áp dụng lãi suất cố định cho vay không tài sản bảo đảm đối với khách hàng cá nhân là 19%/năm (lãi suất trung, dài hạn); lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Căn cứ Điều 1 Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, thì MSB áp dụng lãi suất trong hạn 19%/năm và lãi suất quá hạn 9.5%/năm là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Do đó, tạm tính đến ngày 27/7/2022, ông C còn nợ MSB số tiền lãi trong hạn là 87.684.652 đồng và tiền lãi quá hạn là 25.464.113 đồng.

Đồng thời, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho

vay số: 0512/2016/HĐCV ngày 23/12/2016 và Khế ước nhận nợ số: 0512/2016/CVCN ngày 23/12/2016.

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở, phù hợp đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3 Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQG14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 147; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 95, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 1 Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQG14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T

Ông C có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng T tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/7/2022 là 218.748.217 (hai trăm mười tám triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm mười bảy) đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 105.599.452 (một trăm lẻ năm triệu năm trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai) đồng,

- Lãi trong hạn là 87.684.652 (tám mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi hai) đồng,

- Lãi quá hạn là 25.464.113 (hai mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm mười ba) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên

thỏa thuận tại tại Hợp đồng cho vay số: 0512/2016/HĐCV ngày 23/12/2016 và Khế ước nhận nợ số: 0512/2016/CVCN ngày 23/12/2016 giữa ông C và Ngân hàng T.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đặng Thành Công phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.937.411 (mười triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm mười một) đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.254.000 (bốn triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn) đồng theo biên lai thu số 0019813 ngày 14/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Văn Thị Ngọc Mỹ